

Số: 1452 /KH- BVSTBCPN

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 6 năm 2019

KẾ HOẠCH

TRIỂN KHAI BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN “CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐẾN NĂM 2020” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Thực hiện Kế hoạch số 1591/ KH- SVHTTDL của Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa ngày 15/5/2019 triển khai Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Sở Y tế Thanh Hóa xây dựng và ban hành kế hoạch hoạt động như sau:

I. MỤC TIÊU

Triển khai có hiệu quả Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Tổng hợp, thống kê số bệnh nhân là nạn nhân của bạo lực gia đình trên địa bàn toàn tỉnh, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai về công tác gia đình.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Các chỉ số chung

Tổng hợp số liệu báo cáo về những nội dung sau:

- Số cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình của đơn vị được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình.

Số cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình tại đơn vị được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình trong kỳ báo cáo/ tổng số cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình tại cơ sở đó trong cùng kỳ $\times 100$.

- Kinh phí hàng năm chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

- Số cán bộ đầu mối theo dõi, thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình của đơn vị.

- Triển khai Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020.

- Số văn bản liên quan phòng, chống bạo lực gia đình được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

2. Tổng hợp, thống kê tỷ lệ % lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ y tế.

- Số lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong kỳ báo cáo/ tổng số nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở đó trong cùng kỳ $\times 100$.

- Phân tổ chủ yếu: Theo giới (nam, nữ); Theo độ tuổi (trên 60 tuổi, 16-60 tuổi); Theo trình độ học vấn (không đi học, dưới đại học, đại học trở lên); Theo địa bàn dân cư (nông thôn, thành thị).

3. Thời gian báo cáo.

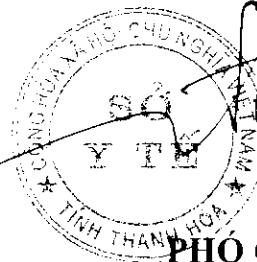
Các đơn vị tổng hợp số liệu, báo cáo 6 tháng (trước 10/6) và báo cáo năm (trước 25/11).

Trên đây là Kế hoạch triển khai, thực hiện Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Sở Y tế Thanh Hóa đề nghị các đơn vị y tế trong toàn ngành tích cực triển khai và thực hiện có hiệu quả.

Nơi nhận:

- Sở VH-TT và DL (để b/c);
- Giám đốc Sở Y tế (b/c);
- Ban VSTBCPN các đơn vị (để t/h);
- Thành viên BVSTBCPN ngành (để p/h);
- Lưu: VT, BVSTBPN ngành.

**TRƯỞNG BAN
VÌ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Thái Hòa**

BIỂU MẪU BÁO CÁO BỘ CHỈ SỐ
Theo dõi và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Kế hoạch số: 1452/KH-BVSTBCPN ngày 13/6/2019 của Sở Y tế)

Biểu 01. Áp dụng cho các cơ quan của tỉnh

A. NHÓM CÁC CHỈ SỐ CHUNG

TT	Nhóm, tên chỉ số	Cơ quan báo cáo
1	Số cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình của ngành được tập huấn nâng cao năng lực về phòng, chống bạo lực gia đình (M2a).	- Sở Y tế; - Công an tỉnh; - Sở Thông tin và Truyền thông;
2	Số giảng viên, báo cáo viên cấp tỉnh về phòng, chống bạo lực gia đình (M4a).	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; - Sở Giáo dục và Đào tạo;
3	Số kinh phí hàng năm chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình (M0a).	- Sở Tư pháp; - Sở Tài chính;
4	Số cán bộ đầu mối theo dõi, thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình (M0b).	- Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Ban dân tộc tỉnh; - Báo Thanh Hóa
5	Triển khai Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 (M0e)	- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh - Các sở, ngành có liên quan; - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
6	Số văn bản liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới (M0d)	- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; - Tòa án nhân dân tỉnh; - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; - Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; - Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; - Liên đoàn Lao động tỉnh; - Hội Nông dân tỉnh; - Hội Người cao tuổi tỉnh; - Hội Cựu chiến binh tỉnh.

B. NHÓM CÁC CHỈ SỐ ĐẶC THÙ THEO CƠ QUAN

TT	Cơ quan báo cáo	Nhóm, tên chỉ số	Công thức tính	Phân tổ chủ yếu
1	Công an tỉnh	Tỷ lệ % lượt nạn nhân bạo lực gia đình được bảo vệ an	Được tính bằng: (Số lượt nạn nhân BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được bảo vệ an toàn trong và sau khi xảy ra vụ	Huyện, thị xã, thành phố;

		toàn (M6d)	Việc BLGD/Tổng số lượt nạn nhân BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Giới tính; - Nông thôn, thành thị; - Hình thức bảo vệ (M6d)
		Tỷ lệ % người gây bạo lực gia đình bị xử phạt vi phạm hành chính (M7b)	Được tính bằng: (Số lượt người gây BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo bị xử phạt hành chính/Tổng số lượt người gây BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	
		Tỷ lệ % vụ bạo lực gia đình đề nghị truy tố (M7c)	Được tính bằng: (Số vụ BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự đề nghị truy tố/Tổng số vụ BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	
2	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Tỷ lệ % vụ bạo lực gia đình đề nghị xét xử (M7d)	Được tính bằng: (Số vụ BLGD bị truy cứu trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số vụ BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn, thành thị;
3	Sở Tư pháp	Tỷ lệ % đôi nam nữ khi đăng ký kết hôn được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (M8b)	Được tính bằng: (Số đôi nam nữ đăng ký kết hôn được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về gia đình và PCBLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số đôi nam nữ đăng ký kết hôn trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn, thành thị; - Loại hình dịch vụ (M6b)
		Tỷ lệ % lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp lý (bao gồm cả trợ giúp pháp lý) (M8b)	Được tính bằng: (Số lượt nạn nhân BLGD được tư vấn pháp lý trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số lượt nạn nhân BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	
4	Sở Y tế	Tỷ lệ % lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế (M6c)	Được tính bằng: (Số lượt nạn nhân BLGD được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số nạn nhân BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn, thành thị;
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỷ lệ % cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện giáo dục chuyên đôi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia	Được tính bằng: (Số cơ sở giáo dục trên địa bàn trong kỳ báo cáo có thực hiện giáo dục chuyên đôi hành vi về gia đình và PCBLGD/Tổng số cơ sở giáo dục trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Huyện, thị xã, thành phố; - Cấp học/bậc học; - Nông thôn, thành thị;

		đình (<i>M1c</i>)		
6	Tòa án nhân dân tỉnh	Tỷ lệ % vụ bạo lực gia đình đưa ra xét xử (<i>M7e</i>)	Được tính bằng: (Số vụ BLGD bị truy cứu trách nhiệm hình sự đưa ra xét xử trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số vụ BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn; thành thị;

Ghi chú:

- Ký hiệu chữ M là mục tiêu của Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình;
- Ký hiệu số từ 1 đến 8 là số thứ tự của mục tiêu trong Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình;
- Ký hiệu số 0 là nhóm chỉ số tăng cường theo dõi giải pháp.
- Ký hiệu chữ b, c, d, e là thứ tự chỉ số trong từng mục tiêu của Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình;

Biểu 02. Áp dụng cho các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên chỉ số	Công thức tính	Phân tổ chủ yếu
1	Tỷ lệ % cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình các cấp, các ngành được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình (<i>M2a</i>)	Được tính bằng: (Số cán bộ tham gia công tác PCBLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được tập huấn nâng cao năng lực PCBLGD/Tổng số cán bộ tham gia PCBLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo cơ quan; đơn vị hành chính;
	Tỷ lệ % lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình (<i>M3a</i>)	Được tính bằng: (Số lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được tập huấn PCBLGD/Tổng số lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính;
2	Tỷ lệ % xã phường có tổ chức hoạt động truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình (<i>M1a</i>)	Được tính bằng: (Số xã, phường có tổ chức hoạt động truyền thông về PCBLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số xã, phường trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính;
3	Số kinh phí hàng năm chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình	Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 143 TT/LT BVHTTDL-BTC ngày 21/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý và sử dụng kinh phí Nhà nước chỉ cho công tác phòng chống bạo lực gia đình	Theo đơn vị hành chính;
4	Tỷ lệ % huyện, thị xã, thành phố có giảng viên, báo cáo viên về phòng, chống bạo	Được tính bằng: (Số huyện, thị xã, thành phố trong kỳ báo cáo có giảng viên, báo cáo viên về PCBLGD/Tổng số huyện,	Theo huyện, thị xã, thành phố

	lực gia đình (M5a)	thị xã, thành phố của tỉnh trong cùng kỳ) x 100	trong tỉnh
5	Tỷ lệ % xã, phường có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình (M8a)	Được tính bằng: (Số xã, phường trên một địa bàn trong kỳ báo cáo có Mô hình PCBLGD/Tổng số xã, phường trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính;
6	Số văn bản liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới (M0d)	Số văn bản quy phạm pháp luật: văn bản hành chính, điều hành, chỉ đạo nhằm tăng cường hiệu quả công tác PCBLGD	Theo cơ quan ban hành; loại văn bản
7	Tỷ lệ % lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa (Đường dây nóng, địa chỉ tin cậy, Câu lạc bộ, Tổ hòa giải...) (M6a)	Được tính bằng: (Số lượt nạn nhân BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được tiếp cận hoạt động hỗ trợ phòng ngừa, giáo dục chuyên đổi hành vi/Tổng số lượt nạn nhân BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính; giới tính; nhóm tuổi; địa bàn cư trú
8	Tỷ lệ % lượt người có hành vi bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa, truyền thông, giáo dục chuyên đổi hành vi về phòng, chống bạo lực gia đình (các loại hình Câu lạc bộ, Tổ tư vấn, Tổ hòa giải...) (M7a)	Được tính bằng: (Số lượt người gây BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được tiếp cận hoạt động hỗ trợ phòng ngừa BLGD/Tổng số lượt người gây BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính; giới tính; nhóm tuổi; địa bàn cư trú;

Ghi chú:

- Ký hiệu chữ M là mục tiêu của Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình;
- Ký hiệu số từ 1 đến 8 là số thứ tự của mục tiêu trong Kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình;
- Ký hiệu số 0 là nhóm chỉ số tăng cường theo đổi giải pháp.
- Ký hiệu chữ a, d là thứ tự chỉ số trong từng mục tiêu của Chương trình hành động PCBLGD.